

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2022/KDTM-ST

Ngày: 27 – 5 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Quang Tuyến**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Hữu Đệ**

2. Bà **Nguyễn Thị Mai**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Hùng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Dương Thị Hiệp** – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 83/2021/TLST-KDTM ngày 29/4/2021 về việc: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST-KDTM ngày 14 tháng 4 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 18/2022/QĐST-KDTM ngày 28 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng A; trụ sở: Số 2 đường X1, phường Y1, quận Z1, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Tiết Văn D** – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trịnh Xuân E** – Giám đốc Ngân hàng A chi nhánh Đông Anh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông E: Ông **Trần Văn F** – Phó giám đốc Ngân hàng A chi nhánh Đông Anh.

- *Bị đơn:* Ông **Đặng Đình B**, sinh năm 1977; bà **Ngô Thị C**, sinh năm 1988; cùng nơi cư trú: Khu W2, thôn X2, xã Y2, huyện Z2, thành phố Hà Nội.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Nguyễn Thị G**, sinh năm 1947 (Mẹ ông B); nơi cư trú: Khu W2, thôn X2, xã Y2, huyện Z2, thành phố Hà Nội.

Có mặt: Ông F.

Vắng mặt: Các đương sự khác.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 4 năm 2021 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là Ngân hàng A do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 28 tháng 3 năm 2019, ông Đặng Đình B và bà Ngô Thị C (do ông B đại diện theo ủy quyền của bà C) ký Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-201901807 với Ngân hàng A – Chi nhánh Đông Anh – Phòng giao dịch Nguyên Khê. Nội dung hợp đồng:

- Phương thức cho vay: Hạn mức tín dụng.
- Mức dư nợ cao nhất: 2.000.000.000 đồng.
- Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động cho phương án Sản xuất đồ gỗ.
- Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng A và thông báo của chi nhánh Đông Anh tùy từng thời điểm. Lãi suất tại thời điểm vay là 9%/năm; lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.
- Thời hạn của hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.
- Kỳ hạn trả nợ theo phụ lục hoặc theo từng giấy nhận nợ.

Thực hiện thỏa thuận, nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn đủ số tiền 2.000.000.000 đồng theo giấy nhận nợ ngày 30 tháng 11 năm 2018 với số tiền 500.000.000 đồng, giấy nhận nợ ngày 15 tháng 01 năm 2019 với số tiền 500.000.000 đồng, giấy nhận nợ ngày 30 tháng 01 năm 2019 với số tiền 689.000.000 đồng, giấy nhận nợ ngày 28 tháng 3 năm 2019 với số tiền 311.000.000 đồng.

Ngày 25/7/2019, Ngân hàng A và ông Đặng Đình B ký văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng về việc gia hạn gốc, lãi cho khách hàng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số thửa đất số 56, tờ bản đồ số 43 tại khu 5, thôn X2, xã Y2, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 699179; số vào sổ cấp GCNQSD đất: 96/20180/QĐ-UB do UBND huyện Đông Anh cấp cho ông Đặng Đình B ngày 28 tháng 11 năm 2007. Theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 145/2015/HĐTC ngày 21 tháng 01 năm 2015 tại Văn phòng công chứng Trung Tâm; đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện Đông Anh ngày 22 tháng 01 năm 2015.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông B và bà C vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông B, bà C trả ngay số tiền gốc 2.000.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận tính đến ngày xét xử sơ thẩm. Ông B, bà C tiếp tục chịu lãi đến khi trả hết nợ. Trường hợp ông B, bà C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Đối với tài sản gắn liền với đất đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị đơn là ông Đặng Đình B và bà Ngô Thị C: Không có lời khai, không đến làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án. Tòa án cùng công an xã Y2 nhiều lần đến tổng đạt các văn bản tố tụng và lấy lời khai nhưng ông B – bà C không hợp tác, không cung cấp ý kiến quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không ký nhận các biên bản tổng đạt văn bản tố tụng.

Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị G (mẹ ông B) là người đang sinh sống cùng ông B – bà C trên nhà đất thế chấp. Không có lời khai, không đến làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ tính đến ngày 27 tháng 5 năm 2022 là 2.712.123.473 đồng, gồm: Tiền gốc 2.000.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 300.977.767 đồng, lãi quá hạn 411.145.705 đồng và tiếp tục phải trả lãi phát sinh kể từ ngày 28 tháng 5 năm 2022 cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, các giấy nhận nợ. Trường hợp bị đơn không trả hoặc trả không đầy đủ theo yêu cầu của nguyên đơn thì nguyên đơn đề nghị Tòa án cho xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên tòa là chưa chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả nguyên đơn tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử theo yêu cầu của nguyên đơn, tiếp tục tính lãi kể từ sau ngày xét xử đến khi bị đơn trả hết nợ. Trường hợp bị đơn không trả được nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Về án phí, bị đơn phải chịu án phí tương ứng với số tiền Tòa án chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ hồ sơ pháp nhân của Ngân hàng A, căn cứ mục đích vay vốn trong hợp đồng tín dụng để bổ sung vốn sản xuất đồ gỗ. Vì vậy Tòa án thụ lý vụ án Kinh doanh thương mại với quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại các phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán nợ của Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-201901807 ngày 28 tháng 3 năm 2019 và các giấy nhận nợ kèm theo nhận thấy:

[3.1] Việc Ngân hàng A và ông B – bà C ký kết hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật. Ngân hàng đã giải ngân đủ cho ông B – bà C số tiền 2.000.000.000 đồng. Các bên thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn là đúng pháp luật, phù hợp với quy định tại Luật các tổ chức tín dụng; Điều 11 quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (được ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001, được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/2/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước). Mức lãi suất trong hạn 9%/năm và lãi suất quá hạn 13,5%/năm mà nguyên đơn tính từ thời điểm chuyển nợ quá hạn là phù hợp quy định pháp luật.

[3.2] Do đó, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn, buộc bị đơn phải trả nguyên đơn số tiền tính đến hết ngày 27/5/2022 là: 2.712.123.473 đồng, gồm: Tiền gốc 2.000.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 300.977.767 đồng, lãi quá hạn 411.145.705 đồng và tiếp tục phải trả lãi phát sinh kể từ ngày 28 tháng 5 năm 2022 cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, các giấy nhận nợ cho đến khi trả hết nợ.

[4] Xét Hợp đồng thế chấp tài sản: Ông Đặng Đình B và bà Ngô Thị C đã thế chấp tài sản của là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số thửa đất số 56, tờ bản đồ số 43 tại khu 5, thôn X2, xã Y2, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 699179; số vào sổ cấp GCNQSD đất: 96/20180/QĐ-UB do UBND huyện Đông Anh cấp cho ông Đặng Đình B ngày 28 tháng 11 năm 2007. Theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 145/2015/HĐTC ngày 21 tháng 01 năm 2015 tại Văn phòng công chứng Trung Tâm; đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện Đông Anh ngày 22 tháng 01 năm 2015. Việc các bên ký hợp đồng thế chấp là hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức hợp đồng phù hợp quy định pháp luật, đã được đăng ký thế chấp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Vì vậy hợp đồng thế chấp và các văn bản sửa đổi, bổ sung có hiệu lực. Các tài sản gắn liền với đất đều thuộc sở hữu của ông ông B – bà C.

Do vậy, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số thửa đất số 56, tờ bản đồ số 43 tại khu 5, thôn X2, xã Y2, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 699179; số vào sổ cấp GCNQSD đất: 96/20180/QĐ-UB do UBND huyện Đông Anh cấp cho ông Đặng Đình B ngày 28 tháng 11 năm 2007. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp được thanh toán nghĩa vụ của ông B – bà C đối với Ngân hàng A theo khoản nợ đã nêu ở trên. Nếu thừa thì trả lại cho ông B – bà C. Nếu thiếu thì ông B – bà C vẫn phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A.

[5] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều 317, 320, 323, 463 và 466 Bộ luật Dân sự 2015.
- Các Điều 26, 35, 39, 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.
- Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163.
- Luật Thi hành án dân sự.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đối với ông Đặng Đình B và bà Ngô Thị C.

Buộc ông Đặng Đình B và bà Ngô Thị C phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng A số tiền tính đến hết ngày 27/5/2022 là: 2.712.123.473 (hai tỷ, bảy trăm mười hai triệu, một trăm hai mươi ba nghìn, bốn trăm bảy mươi ba) đồng, gồm: Tiền gốc 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng, tiền lãi trong hạn 300.977.767 (ba trăm triệu, chín trăm bảy mươi bảy nghìn, bảy trăm sáu mươi bảy) đồng, lãi quá hạn 411.145.705 (bốn trăm mười một triệu, một trăm bốn mươi lăm nghìn, bảy trăm linh năm) đồng.

Kể từ ngày 28/5/2022 ông Đặng Đình B và bà Ngô Thị C phải tiếp tục trả tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-201901807 ngày 28 tháng 3 năm 2019 và các giấy nhận nợ kèm theo tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ.

[2]. Trường hợp ông Đặng Đình B – bà Ngô Thị C không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số thửa đất số 56, tờ bản đồ số 43 tại khu 5, thôn X2, xã Y2, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 699179; sổ vào sổ cấp GCNQSD đất: 96/20180/QĐ-UB do UBND huyện Đông Anh cấp cho ông Đặng Đình B ngày 28 tháng 11 năm 2007. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp được thanh toán nghĩa vụ của ông B – bà C đối với Ngân hàng A theo khoản nợ đã nêu ở trên. Nếu thừa thì trả lại

cho ông B – bà C. Nếu thiếu thì ông B – bà C vẫn phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Đặng Đình B – bà Ngô Thị C phải nộp 86.242.000 (tám mươi sáu triệu, hai trăm bốn mươi hai nghìn) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Ngân hàng A được hoàn trả lại số tiền 40.027.000 (Bốn mươi triệu, không trăm hai mươi bảy nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0045070 ngày 14/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

[4]. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự..

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu trữ

(Đã ký)

Trần Quang Tuyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Quang Tuyền

